PHỤ LỤC TÀI SẢN BẢO ĐẢM

Thôn Đak Wí, xã Đak Nhau, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
(nay là xã Đak Nhau, Thành phố Đồng Nai)

STT	Số phát hành	Số vào sổ	Thửa đất	Tờ bản đồ	Diện tích (m2)	Diện tích đất ở (m2)	Thời hạn SD (đất ở)	Diện tích đất NN (m2)	Diện tích đất (KPH)
1	DG 179619	CS04410	83	19	1073,7	100	Lâu dài	973,7	24,9
2	DG 179622	CS04388	86	19	614,1	100	Lâu dài	514,1	37,2
3	DG 179623	CS04389	87	19	633,3	100	Lâu dài	533,3	38,7
4	DG 179624	CS04390	88	19	652,6	100	Lâu dài	552,6	40,1
5	DG 179625	CS04391	89	19	671,9	100	Lâu dài	571,9	41,6
6	DG 179626	CS04392	90	19	690,1	100	Lâu dài	590,1	42,3
7	DG 179627	CS04393	91	19	700,2	100	Lâu dài	600,2	44,1
8	DG 179628	CS04394	92	19	698,0	100	Lâu dài	598,0	44,1
9	DG 179629	CS04395	93	19	691,2	100	Lâu dài	591,2	42,2
10	DG 179630	CS04396	94	19	683,4	100	Lâu dài	583,4	42,0
11	DG 179631	CS04397	95	19	675,3	100	Lâu dài	575,3	42,3
12	DG 179632	CS04398	96	19	667,3	100	Lâu dài	567,3	42,6
13	DG 179633	CS04399	97	19	659,4	100	Lâu dài	559,4	42,7
14	DG 179634	CS04400	98	19	651,8	100	Lâu dài	551,8	41,8
15	DG 179635	CS04401	99	19	651,5	100	Lâu dài	551,5	42,3
16	DG 179636	CS04402	100	19	653,4	100	Lâu dài	553,4	43,0
17	DG 179637	CS04403	101	19	655,2	100	Lâu dài	555,2	43,7
18	DG 179638	CS04404	102	19	654,3	100	Lâu dài	554,3	44,6
19	DG 179639	CS04405	103	19	635,4	100	Lâu dài	535,4	43,3
20	DG 179640	CS04406	104	19	606,8	100	Lâu dài	506,6	46,3
21	DG 179641	CS04407	105	19	564,4	100	Lâu dài	464,4	48,8
22	DG 179642	CS04408	106	19	521,4	100	Lâu dài	421,4	50,3

*Thời hạn sử dụng đất NN: Đến ngày 31/12/2050
Hình thực sử dụng: Sử dụng riêng